

Bản án số: 199 /2023/DS-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Ông Đặng Hữu Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2023/QĐST-DS ngày 16/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Bá H, sinh năm: 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 08, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; *có mặt.*
2. *Bị đơn:* Ông Lê Bá G, sinh năm: 1974 và bà Mai Thị H, sinh năm: 1982. Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 33, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *ông G và bà H vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Bá H trình bày:

Thông qua mối quan hệ bạn bè thân thiết trên hai mươi năm, từ năm 2019 đến năm 2022 vợ chồng ông Lê Bá G và bà Mai Thị H đã vay mượn tiền của ông nhiều lần để giải quyết việc chung của gia đình, đến ngày 26/7/2022 bà H viết giấy mượn tiền với nội dung vợ chồng bà có mượn của ông số tiền 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu đồng) và hẹn 60 ngày sau sẽ trả dứt điểm số tiền trên cho ông. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay ông G và bà H vẫn không trả được đồng nào, khát nợ hết lần này đến lần khác và cố ý trốn tránh không trả. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Bá G và bà Mai Thị H có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai viết ngày 04/8/2023 bị đơn bà Mai Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết ông Nguyễn Bá H nên vợ chồng bà có vay mượn của ông H nhiều lần với tổng số tiền là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu đồng), khi mượn tiền có viết giấy mượn tiền. Tuy nhiên, do việc làm ăn không được thuận lợi nên vợ chồng bà vẫn chưa trả số tiền trên cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền còn nợ là 4.100.000.000 đồng, bà xác nhận còn nợ số tiền trên và đồng ý trả. Tuy nhiên, hiện nay do điều kiện kinh tế đang khó khăn nên bà đề nghị ông H tạo điều kiện trả số nợ trên trong thời hạn 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua các giấy mượn tiền. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Lê Bá G và bà Mai Thị H có địa chỉ cư trú tại tổ 33, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Lê Bá G và bà Mai Thị H không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông G và bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như lời khai của ông Nguyễn Bá H tại phiên tòa và bản tự khai của bà Mai Thị H thể hiện: Từ năm 2019 đến năm 2022, ông Nguyễn Bá H nhiều lần cho vợ chồng ông Lê Bá G và bà Mai Thị H vay mượn nhiều lần với số tiền là 4.100.000.000 đồng. Ngày 26/7/2022, bà Mai Thị H có viết giấy mượn tiền với nội dung vợ chồng bà có mượn của ông Nguyễn Bá H số tiền là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu đồng), vợ chồng ông bà hẹn trong vòng 60 ngày sẽ trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên, từ ngày 26/7/2022 cho đến nay vợ chồng ông G và bà H vẫn không trả tiền cho ông H như đã cam kết. Mặc dù, trong giấy mượn tiền chỉ có một mình bà H ký tên nhưng ông H khai khi mượn tiền có cả ông G và bà H, ông H giao tiền mặt 4.000.000.000 đồng trực tiếp cho ông G để ông G kiểm đếm, còn 100.000.000 đồng ông G cung cấp số tài khoản của ông G để ông H chuyển khoản. Trong giấy mượn tiền cũng thể hiện “vợ chồng tôi có mượn của ông Nguyễn Bá H...”, trong bản tự khai, biên bản hòa giải bà H cũng xác nhận vợ chồng bà có mượn tiền của ông H. Đồng thời, qua nội dung tin nhắn trao đổi giữa ông G và ông H thể hiện ông G nhờ ông H mượn tiền hộ cho ông G, ông G cung cấp số tài khoản để ông H chuyển tiền và hẹn thời gian trả nợ cho ông H. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định khoản nợ 4.100.000.000 đồng là do ông G và bà H cùng vay mượn để giải quyết việc chung của gia đình. Do vậy, việc ông H yêu cầu ông G và bà H

phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 4.100.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Ông H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Bà H đề nghị ông H cho vợ chồng bà được trả số tiền nợ trên trong thời hạn 03 tháng nhưng không được ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Lê Bá G và bà Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 4.100.000.000 đồng là: $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 100.000.000 \text{ đồng})] = 112.100.000 \text{ đồng}$ (Một trăm mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá H đối với ông Lê Bá G và bà Mai Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử:

1. Buộc ông Lê Bá G và bà Mai Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá H số tiền là 4.100.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Bá G và bà Mai Thị H phải chịu là 112.100.000 đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Nguyễn Bá H 56.050.000 đồng (Năm mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000711 ngày 08/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn ông Nguyễn Bá H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Lê Bá G và bà Mai Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

